TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2021
V/v Tranh chấp ‘‘Xin ly hôn’’

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Lê Văn Thành**.

+ Ông **Trần Văn Nhu**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thị Kim Luông –** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 785/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Cẩm S**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Bùi Trung T**, sinh năm 1984 (có mặt).

ĐKHKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm S trình bày*:

- Chị với anh Bùi Trung T cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến khoảng tháng 6/2020 thì thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xãy ra xung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về tình cảm: Cho chị được ly hôn với anh Bùi Trung T.

-Về con chung: Anh chị có một con chung tên Bùi Lê An B, sinh ngày 02/4/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Bùi Trung T trình bày: Việc cưới nhau chung sống và con chung như chị S trình bày là đúng. Nhưng do mâu thuẫn không lớn, nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu có ly hôn anh đồng ý để con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng dân sự**: Chị S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh T có địa chỉ tại xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**:

-Theo chị S khai là anh chị cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 6/2020 thì ly thân cho đến nay. Theo chị S khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xãy ra sung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Còn anh T có ý kiến là mâu thuẫn không lớn, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy chị S với anh T cưới nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến tháng 6/2020 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị S cương quyết ly hôn, còn anh T khai là mâu thuẫn không lớn nên không đồng ý ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Anh chị có một con chung tên Bùi Lê An B, sinh ngày 02/4/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn anh T có ý kiến là nếu có ly hôn anh đồng ý để con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy từ khi ly thân nay chị S là người trực tiếp nuôi con chung. Mặt khác Bùi Lê An B cũng có lời khai là được sống với mẹ nếu chị S với anh T ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh chị là giao con chung của anh chị tên Bình cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Do chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng có ý kiến là không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét việc cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì các đương sự được khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung; nợ chung: Anh T và chị S khai không có nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm S.

- Cho chị Lê Thị Cẩm S được ly hôn với anh Bùi Trung T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên của anh chị tên Bùi Lê An B, sinh ngày 02/4/2013 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo qui định pháp luật.

2. Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004504, ngày 08/12/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị S, anh T được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B, huyện C;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

PHẠM THANH DŨNG